

**QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ
GIẢI QUYẾT VỤ ÁN**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Xuân Quang

Các Thẩm phán:

Ông Vũ Thế Phương;

Ông Trần Phương Đông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên họp: Ông La Minh Dũng – Kiểm sát viên.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số: 143/2022/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2022;

Tòa án nhân dân thành phố B đã căn cứ vào điểm g khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số: 61/2022/TLST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2022, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tặng cho*”, giữa:

- *Nguyên đơn:* ông Đặng Hữu Ng, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Số X, Khu phố A, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* ông Lê Đức Th, sinh năm 1978 và anh Lê Nguyễn Đức T, sinh năm 2002;

Cùng địa chỉ: Số Y, Tổ A, Khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Th, anh T: bà Thái Thị Quỳnh Ng, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Số A, đường B, phường Th, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Văn phòng Công chứng Tr;

Địa chỉ: Số F, Khu phố E, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp: ông Phạm Văn Ph – Trưởng văn phòng.

Tại đơn kháng cáo ngày 13-6-2022 của ông Đặng Hữu Ng; nội dung kháng cáo: yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bỏ quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số: 143/2022/DS-ST ngày 20-5-2022 của Tòa án nhân dân thành phố B; với lý do: Tòa án nhân dân thành phố B đình chỉ giải quyết vụ án với lý do đơn khởi kiện của ông chưa đủ điều kiện khởi kiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự là không đúng quy định của pháp luật.

XÉT THẤY:

[1] Về kháng cáo:

Kháng cáo của ông Đặng Hữu Ng trong thời hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên việc kháng cáo hợp lệ và được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Ông Đặng Hữu Ng khởi kiện yêu cầu tuyên bố các hợp đồng tặng cho tài sản giữa ông Lê Đức Th và ông Lê Nguyễn Đức T vô hiệu; cụ thể: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số: 5676 quyền số 11-2020 TP/CC-SCC/HĐGD được Văn phòng công chứng Tr công chứng ngày 26-11-2020 tại thửa đất số 370, tờ bản đồ số 19 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BM 635800, sổ vào sổ 8882 ngày 08-11-2012 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp tại khu tái định cư ấp 5, xã Th, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa đất số: 373, tờ bản đồ số 19 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BM 635794, sổ vào sổ 08880 ngày 08-11-2012 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp tại khu tái định cư ấp 5, xã Th, huyện V, tỉnh Đồng Nai, theo hồ sơ số 006190.TA.008 mã vạch 2618820003411; Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa đất số 393, tờ bản đồ số 19 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BU 092909, sổ vào sổ CH11037 ngày 22-6-2015 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp tại khu tái định cư ấp 5, xã Th, huyện V, tỉnh Đồng Nai, theo hồ sơ số 006190.TA.008 mã vạch 2618820003411; Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa đất số 396, tờ bản đồ số 19 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BU 092909, sổ vào sổ CH11044 ngày 22-6-2015 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp tại khu tái định cư Ấp 5, xã Th, huyện V, tỉnh Đồng Nai, theo hồ sơ số 006190.TA.008 mã vạch 2618820003411; Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất căn nhà ở số B299, Tờ 18, Khu phố 5, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai tại thửa đất số 749, tờ bản đồ 21 phường Tân Hiệp, thành phố B được cấp giấy chứng nhận số hiệu AK 143593, sổ vào sổ T00232 ngày 02-01-2009 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp theo hồ sơ số: 002705.TA.002 mã vạch 2600820001139; Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng thửa đất số 744, tờ bản đồ 21 phường T, thành phố B được cấp giấy chứng nhận số hiệu CD 783453, sổ vào sổ CS 05410 ngày 04-4-2016 do Sở Tài nguyên và

Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp theo hồ sơ số 000148.TA.604 mã vạch 2600820001141; Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa đất số: 743, tờ bản đồ 21 phường T, thành phố B được cấp giấy chứng nhận số hiệu CD 783455, sổ vào sổ CS 05410 ngày 04-6-2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp theo hồ sơ số 000149.TA.091.TA.002 mã vạch 2600820001142; vì cho rằng, ông Th tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ.

Xét thấy; hiện nay, chưa có quy định của pháp luật cụ thể về hành vi tẩu tán tài sản. Chỉ có quy định tại khoản 2 Điều 124 của Bộ luật Dân sự năm 2015 “Trường hợp xác lập giao dịch giả tạo nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ với người thứ ba thì giao dịch đó bị vô hiệu”.

Theo hồ sơ thể hiện, ông Đặng Hữu Ng khởi kiện ông Lê Đức Th về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý ngày 26-10-2020. Quá trình giải quyết, ông Th không thừa nhận việc mượn tiền của ông Ng mà người nhận, sử dụng tiền là ông Dương Văn Q; tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2021 ngày 14-5-2021, Tòa án nhân dân thành phố B tuyên buộc ông Th phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông Ng. Không đồng ý với bản án sơ thẩm nên ông Th kháng cáo. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh tại Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; tại Biên bản xác minh ngày 19-5-2022, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai cung cấp thông tin về việc vụ án dân sự phúc thẩm theo đơn kháng cáo của ông Lê Đức Th hiện chưa giải quyết bằng Bản án hoặc quyết định theo thủ tục phúc thẩm. Do đó, chưa có tình tiết, căn cứ pháp lý để xác định ông Lê Đức Th có nghĩa vụ trả nợ cho ông Đặng Hữu Ng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 24 của Nghị định số: 62/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ; khoản 11 Điều 1 của Nghị định số: 33/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số: 62/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi hành án dân sự; khoản 2 Điều 75 của Luật Thi hành án dân sự xác định: *“Trường hợp có căn cứ xác định giao dịch liên quan đến tài sản thi hành án nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án thì Chấp hành viên thông báo cho người được thi hành án để yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch đó vô hiệu hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hủy giấy tờ liên quan đến giao dịch đó. Hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được thông báo mà người được thi hành án không yêu cầu thì Chấp hành viên yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch đó vô hiệu hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hủy giấy tờ liên quan đến giao dịch đó”*.

Do đó, chỉ khi nghĩa vụ của ông Th đối với ông Ng được xác định bằng Bản án hoặc Quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân các cấp; quá trình thi hành án xác định ông Th không còn tài sản nào khác để đảm bảo việc

nghĩa vụ thi hành án, đã sử dụng tài sản duy nhất của mình để xác lập giao dịch dân sự mà không sử dụng số tiền thu được thông qua giao dịch đó để thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Theo Thông báo của Chấp hành viên thì ông Ng có quyền yêu cầu hoặc Chấp hành viên yêu cầu Tòa án (nếu ông Ng không yêu cầu) tuyên bố giao dịch dân sự giữa ông Th với ông T là vô hiệu nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ theo Bản án, Quyết định đã có hiệu lực pháp luật.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự với lý do ông Đặng Hữu Ng chưa đủ điều kiện khởi kiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kháng cáo của ông Ng yêu cầu hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết kháng cáo tại phiên họp:

Ngày 26-01-2022, Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý vụ án theo yêu cầu của ông Đặng Hữu Ng là “Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất”. Theo đơn khởi kiện của ông Ng yêu cầu Tòa án tuyên bố các hợp đồng tặng cho tài sản giữa ông Lê Đức Th và anh Lê Nguyễn Đức T vô hiệu gồm các tài sản: thửa đất số 370, tờ bản đồ số 19, xã Th, huyện V; thửa đất số 743, 744, tờ bản đồ số 21, phường T, thành phố B; thửa đất số 373, 393, 396, tờ bản đồ số 19 khu tái định cư Ấp 5, xã Th, huyện V; căn nhà ở số AA, Tổ B, Khu phố 5, phường T, thành phố B và 02 xe ô tô (01 hiệu LEXUS đời 2019 và 01 chiếc hiệu MAZDA6 biển số 60A – XZY) vì cho rằng ông Th hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho con ruột để tẩu tán tài sản không thi hành Bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2021/DS-ST ngày 14-5-2021 của Tòa án nhân dân thành phố B về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa ông Ng và ông Th; theo đó Tòa án buộc ông Th phải trả cho ông Ng số tiền nợ vay là 5.046.991.000 đồng.

Xét thấy, trong quá trình làm việc, nguyên đơn ông Ng cung cấp Bản án số: 32/2021/DS-ST ngày 14-5-2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của Tòa án nhân dân thành phố B tuyên buộc ông Lê Đức Th có nghĩa vụ trả cho ông Ng số tiền 5.046.991.000 đồng (trong đó nợ gốc là 3.700.000.000 đồng). (bút lục 10-14). Vụ án trên ông Th đang kháng cáo, tại biên bản xác minh ngày 18-5-2022 của Tòa án nhân dân thành phố B (bút lục 92) và Thông báo về việc thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai thì ngày 13-12-2021 Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đang thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa nguyên đơn ông Đặng Hữu Ng và bị đơn ông Lê Đức Th, vụ án đang thu thập tài liệu, chứng cứ, chưa có bản án quyết định phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

Mặt khác, theo khoản 1 Điều 24 Nghị định số: 62/2015/NĐ-CP ngày 18-7-2015 của Chính phủ và Nghị Định số 33/2020/CP quy định: “*Kể từ thời điểm bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, nếu người phải thi hành án chuyển đổi, tặng cho, bán, chuyển nhượng, thế chấp, cầm cố tài sản cho người khác mà không sử dụng khoản tiền thu được để thi hành án và không còn tài sản nào khác hoặc tài sản khác không đủ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án thì tài sản đó vẫn bị kê biên, xử lý*”

Điều 75 của Luật Thi hành án dân sự quy định: “*Trường hợp tài sản của người phải thi hành án bị cưỡng chế để thi hành án mà có người khác tranh chấp thì Chấp hành viên thông báo cho đương sự, người có tranh chấp về quyền của họ được khởi kiện tại Tòa án hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết*”

Như đã viện dẫn nêu trên, mặc dù giữa ông Ng và ông Th có tranh chấp hợp đồng vay tài sản đã được Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết nhưng bản án còn trong giai đoạn kháng cáo chưa được Tòa cấp phúc thẩm giải quyết bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật nên chưa đủ cơ sở xác định buộc ông Th có nghĩa vụ trả nợ như án sơ thẩm đã tuyên và việc ông Th tặng cho tài sản cho anh T không thuộc trường hợp tài sản đang bị xử lý kê biên, cưỡng chế thi hành án có tranh chấp yêu cầu Tòa án giải quyết nên ông Ng khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho giữa ông Th và anh T là chưa đủ điều kiện để khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số: 62/2015/NĐ-CP ngày 18-7-2015 của Chính phủ, Nghị định số: 33/2020/NĐ-CP ngày 17-3-2020 của Chính phủ và Điều 75 Luật Thi hành án dân sự. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố B căn cứ điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết vụ án là có cơ sở. Xét kháng cáo của ông Đặng Hữu Ng là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên;

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 5, Điều 314 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Hữu Ng; Giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số: 143/2022/QĐST-DS ngày 20-5-2022 của Tòa án nhân dân thành phố B.

[4] Về án phí.

Kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 314 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số: 143/2022/QĐST-DS ngày 20-5-2022 của Tòa án nhân dân thành phố B.

2. Ông Đặng Hữu Ng phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003389 ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Ông Ng đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân thành phố B;
- Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố B;
- Lưu: hồ sơ vụ án; Tòa chuyên trách, Văn phòng, Thẩm phán.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Nguyễn Xuân Quang